TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/6/2018
V/v "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình – Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Phước

Ông Phạm Quốc Hùng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 06 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2018, về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 112/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1975 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Phú Lợi, xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
Địa chỉ mới:Ấp Phú Hạ 2, Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
Bị đơn: Ông NguyễnVăn T**,** sinh năm 1971 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Phú Lợi, xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị S trình bày: Bà Huỳnh Thị S và ông Nguyễn Văn T sống chung vào năm 1993 và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung. Nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, có nhiều bất đồng về quan điểm sống tính tình không còn phù hợp, do ông T có người phụ nữ khác bên ngoài, ông T và bà Huỳnh Thị S đã không còn sống chung từ năm 2004. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1997, các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải và đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để làm việc nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi được ý kiến của ông Nguyễn Văn T và không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị S làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T, có địa chỉ cư trú ấp Phú Lợi, xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên Tòa, nhưng ông T vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông T.

[2]Về nội dung: Bà Huỳnh Thị S và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị S, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống do có nhiều bất đồng về quan điểm sống tính tình không còn phù hợp, ông T có người phụ nữ khác bên ngoài nên cả hai thường hay cự cãi, mất lòng tin với nhau. Bà Huỳnh Thị S thừa nhận đã không còn tình cảm với ông T, không còn khả năng đoàn tụ nên đã không còn sống chung từ tháng 2004 cho đến nay. Điều này thể hiện tình trạng hôn nhân giữa ông T và bàHuỳnh Thị S mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Tại thời điểm này ông T và bà Huỳnh Thị S đã đủ độ tuổi để kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn, đến nay ông, bà cũng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông, bà không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy, Tòa án không giải quyết cho ông T và bàHuỳnh Thị S ly hôn mà cần không công nhận ông T và bà Huỳnh Thị S là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1997, 02 con đã trưởng thành nên không xét đến.

Về quan hệ tài sản: Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận bà Huỳnh Thị S xác định không có nợ chung nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ sống chung thì bàHuỳnh Thị S và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bà Huỳnh Thị S yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Huỳnh Thị S và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1997, 02 con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận bàHuỳnh Thị S xác định không có nợ chung nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ sống chung thì bà Huỳnh Thị S và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm**:** Bà Huỳnh Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) T tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001003 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Bà Huỳnh Thị S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Thoại Sơn;
-Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu Hằng